

Số: 26/NQ-HĐND

Phú Quốc, ngày 23 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025
nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn đặc khu Phú Quốc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN ĐẶC KHU PHÚ QUỐC
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của Hội đồng nhân dân đặc khu về kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn đặc khu Phú Quốc.

Xét Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn đặc khu Phú Quốc; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân đặc khu; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn đặc khu, như sau:

Tổng Kế hoạch vốn năm 2025 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn đặc khu sau khi điều chỉnh, bổ sung là 606.116 triệu đồng (*Sáu trăm lẻ sáu tỷ, một trăm mười sáu triệu đồng*), (Kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 đã phê duyệt 116.378 triệu đồng, tăng 489.738 triệu đồng). Trong đó:

1. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương và nguồn vốn xổ số kiến thiết (05 dự án) là 30.186 triệu đồng (*Ba mươi tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu đồng*).

(Kèm theo phụ lục I)

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất 60% (12 dự án) là 72.240 triệu đồng (*Bảy mươi hai tỷ, hai trăm bốn mươi triệu đồng*).

(Kèm theo phụ lục II)

3. Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới (19 công trình) là 13.952 triệu đồng (*Mười ba tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu đồng*).

(Kèm theo phụ lục III)

4. Nguồn vốn ngân sách đặc khu là 489.538 triệu đồng (*Bốn trăm tám mươi chín tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu đồng*). Trong đó:

- Nguồn vốn ghi thu ghi chi: 235.693 triệu đồng
- Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách: 253.845 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục IV)

5. Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách đặc khu là 200 triệu đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

(Kèm theo phụ lục V)

6. Các nội dung khác vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của Hội đồng nhân dân đặc khu về kế hoạch đầu tư năm 2025 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn đặc khu Phú Quốc.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân đặc khu triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân đặc khu Khóa I, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 23 tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh (Tổ đại biểu số 17);
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy đặc khu;
- Thường trực HĐND, UBND đặc khu;
- Ủy ban MTTQ VN đặc khu;
- Đại biểu HĐND đặc khu;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể đặc khu;
- Cổng thông tin điện tử;
- LĐVP+ CVNC;
- Lưu: VT. *huc*

CHỦ TỊCH



Đặng Thị Hồng Gấm





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
ĐẶC KHU PHÚ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Đặc khu Phú Quốc)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 trước phân cấp	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	Chênh lệch		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Dự kiến TMDT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ (A + B)						337,941			326,173	109,044	138,980	30,186	30,186	-		
A	NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (I + II)						200,851			190,087	80,898	94,537	16,174	16,174			
I	Các hoạt động kinh tế						80,851			70,087	65,382	65,731	349	349			
	Dự án trả nợ						80,851			70,087	65,382	65,731	349	349			
1	Đường Suối Cái - Rạch Vẹm	PQ	KBNN PQ	BQL	7881801	NQ 16 23/5/2024	80,851	2021-2024	4429 30/9/2024	70,087	65,382	65,731	349	349			
II	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề						120,000			120,000	15,516	28,806	15,825	15,825			
	Dự án chuyển tiếp						120,000			120,000	15,516	28,806	15,825	15,825			
1	Trường Tiểu học và THCS Dương Đông tại khu 67,5 ha	PQ	KBNN PQ	BQL	8054337	NQ số 24 30/8/2023	120,000	2025-2026	6598 11/12/2023	120,000	15,516	28,806	15,825	15,825			
B	NGUỒN VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT						137,090			136,086	28,146	44,443	14,012	14,012	-		
I	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề						137,090			136,086	28,146	44,443	14,012	14,012			
	Dự án trả nợ						8,090			8,031	6,495	8,031	380	380	-	-	
1	Trường mầm non An Thới	PQ	KBNN PQ	BQL	7855075	NQ 11, 52 27/8/2021	8,090	2022-2024	5518 30/10/2023	8,031	6,495	8,031	380	380			
	Dự án chuyển tiếp						129,000			128,055	21,651	36,412	13,632	13,632	-		
1	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Cửa Cạn (tên cũ: Trường PTCS Cửa Cạn (Điều chỉnh - 2024)	PQ	KBNN PQ	BQL	8017950	NQ 11, 52 28/5/2020	9,000	2023-2025	5517 30/10/2023	8,055	6,135	7,606	651	651			
2	Trường Tiểu học và THCS Dương Đông tại khu 67,5 ha	PQ	KBNN PQ	BQL	8054337	NQ số 24 30/8/2023	120,000	2025-2026	6598 11/12/2023	120,000	15,516	28,806	12,981	12,981			



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
ĐẶC KHU PHÚ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Đặc khu Phú Quốc)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 trước phân cấp	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	Chênh lệch		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Dự kiến TMDT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Tăng	Giảm	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (60%)						164,249			173,884	42,874	92,498	72,240	72,240			
A	Các hoạt động kinh tế						65,659			80,770	23,642	49,695	37,437	37,437			
I	Dự án trả nợ quyết toán									13,568	11,820	29	20	20			
1	Trồng mới cây xanh từ ngã 3 Công Bình đến ngã 3 Sân bay trên tuyến An Thới - Dương Đông	PQ	KBNN PQ	BQL	7563444				3009 10/04/2017	13,568	11,820	29	20	20			
II	Dự án chuyển tiếp						65,659			65,604	11,652	45,133	33,469	33,469			
1	Thoát nước các tuyến đường tỉnh lộ trên địa bàn thành phố Phú Quốc	PQ	KBNN PQ	BQL	8005773	1704 08/5/2023	65,479	2023-2026	6410 01/12/2023	65,471	11,568	45,000	33,432	33,432			
2	Đường vào đền thờ các Anh hùng liệt sĩ	PQ	KBNN PQ	BQL	7964154	3125 27/6/2022	180	2023-2025	5639; 08/11/2022	133	84	133	37	37			
III	Dự án chuẩn bị đầu tư									1,598	170	4,533	3,948	3,948			
1	Hạ tầng khung và các khu chức năng thuộc Khu dân cư và tái định cư Đồng Cây Sao (167ha)	PQ	KBNN PQ	BQL	8030407						10	100	90	90			
2	Khu tái định cư Đồng Cây Sao (tên cũ: Khu tái định cư khu vực Đồng Cây Sao - Khu I 49ha)	PQ	KBNN PQ	BQL	7881799							2,415	2,000	2,000			
3	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu sân bay cũ Phú Quốc	PQ	KBNN PQ	BQL	8124262				348 02/10/2024	1,598		1,518	1,518	1,518			
4	Tuyến đường đầu nối từ đường Rạch Vẹm - Gành Dầu vào dự án Đảo Lam Ngọc	PQ	KBNN PQ	BQL	7972564						160	500	340	340			
B	Y tế, dân số và gia đình						14,990			10,353	6,020	10,353	3,065	3,065			
I	Dự án chuyển tiếp						14,990			10,353	6,020	10,353	3,065	3,065			
1	Trạm y tế phường Dương Đông	PQ	KBNN PQ	BQL	8032199	4137 18/8/2022	14,990	2023-2025	5844 15/11/2023	10,353	6,020	10,353	3,065	3,065			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 trước phân cấp	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	Chênh lệch		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Dự kiến TMDT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Tăng	Giảm	
C	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề						83,600			82,761	13,212	32,450	31,738	31,738			
I	Dự án chuyển tiếp						56,000			56,000	12,500	9,886	9,886	9,886			
1	Trường mầm non Dương Đông tại khu 67,5 ha	PQ	KBNN PQ	BQL	8051354	NQ số 23 30/8/2023	56,000	2025-2026	6599 11/12/2023	56,000	12,500	9,886	9,886	9,886			
II	Dự án khởi công mới						27,600			26,761	712	22,564	21,852	21,852			
1	Trường THCS Dương Đông I	PQ	KBNN PQ	BQL	8072549	6462 05/12/2023	13,600	2024-2026	5030 30/10/2024	13,600	300	10,300	10,000	10,000			
2	Sửa chữa các điểm trường 2025	PQ	KBNN PQ	BQL	8015218	NQ 11 28/5/2020	3,000	2024-2025	2477 20/06/2024	2,964	112	2,964	2,852	2,852			
3	XDM nhà vệ sinh công hàng rào, sân nền, hệ thống thoát nước các điểm trường	PQ	KBNN PQ	BQL	8078337	6461 05/12/2023	11,000	2024-2026	5771 28/11/2024	10,197	300	9,300	9,000	9,000			





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
ĐẶC KHU PHÚ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục III
DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Đặc khu Phú Quốc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Địa phương, tên dự án	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Mã dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025 trước phân cấp	Kế hoạch vốn năm 2025	Chênh lệch		Hình thức thực hiện	Ghi chú
									Tăng	Giảm		
1	2	3	4		5	6	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG A + B + C + D + E					13,952	13,952	13,952	0	0		
A	Các hoạt động kinh tế I + II					2,566	450	450	0	0		
I	Chuẩn bị đầu tư					2,396	280	280	0	0		
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn	Dài 150m, rộng 0,8m	ấp 2, Cửa Can	'8140156	2025	230	20	20	0	0	Xây dựng mới	
2	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT và xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường tại tổ 3 ấp Đường Bào		Dương Tơ			980	100	100	0	0	Nâng cấp	
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường tại tổ 4 ấp Cửa Lấp		Dương Tơ			682	100	100	0	0	Xây dựng mới	
4	Đường GTNT số 2 “nhà Bà Châu và nhà ông Đàm”; Đường GTNT số 3 “nhà ông Hên đến nhà ông Thi”	Ngang 4 m, dài 170m, dày 15cm	Ấp Rạch Hàm Hàm Ninh	'8141261	2025	504	60	60	0	0	Xây dựng mới	
II	Khởi công mới					170	170	170	0	0	Nâng cấp	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Gành Dầu	220m2	Gành Dầu	'8140158	2025	170	170	170	0	0	Nâng cấp	191/QĐ-UBND 14/5/2025
B	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể (I + II)					7,522	5,103	5,103	0	0		



Số TT	Địa phương, tên dự án	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Mã dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025 trước phân cấp	Kế hoạch vốn năm 2025	Chênh lệch		Hình thức thực hiện	Ghi chú
									Tăng	Giảm		
I	Chuẩn bị đầu tư					2,680	261	261	0	0		
1	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm văn hoá xã Cửa Cạn	Dài 250 Cao 2,2m	ấp Lê Bát	8140154	2025	1,170	121	121	0	0	Nâng cấp	
2	Sửa chữa, cải tạo Nhà Văn hóa xã Cửa Dương	450 m ²	Trung tâm hành chính xã		2025	170	20	20	0	0	Nâng cấp	
3	Xây dựng mới nhà văn hóa ấp Đá Chồng		Ấp Đá Chồng	8139553	2025	1,185	100	100	0	0	Xây dựng mới	
4	Nâng cấp Nhà Văn hóa ấp Xóm Mới		Ấp Xóm Mới	'8143855	2025	155	20	20	0	0	Nâng cấp	
II	Khởi công mới					4,842	4,842	4,842	0	0		
1	Xây dựng nhà văn hóa ấp Bãi Bồn		Ấp Bãi Bồn	8141260	2025	1,470	1,470	1,470	0	0	Xây dựng mới	182/QĐ-UBND, 29/5/2025
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa xã Hàm Ninh		Ấp Rạch Hàm	'8141259	2025	3,132	3,132	3,132	0	0	Nâng cấp	184/QĐ-UBND, 02/6/2025
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa kết hợp trụ sở 02 ấp (Cửa Lấp và Suối Lớn)	160 m ²	Ấp Cửa Lấp, ấp Suối Lớn		2025	240	240	240	0	0		236/QĐ-UBND 28/4/2025
C	Y tế, dân số và gia đình					300	300	300	0	0		
	Khởi công mới					300	300	300	0	0		
1	Nâng cấp, sửa chữa Tạm y tế xã Cửa Cạn	Dài 70 m Cao 2,5 m	ấp Lê Bát	8140155	2025	300	300	300	0	0		162/QĐ-UBND 16/5/2025
D	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề I + II					3,564	3,244	3,244	0	0		
I	Chuẩn bị đầu tư					360	40	40	0	0		
1	Nâng cấp Trường TH-THCS Bãi Thơm		Ấp Bãi Thơm	'8140159	2025	190	20	20	0	0	Nâng cấp	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường TH-THCS; Trường mầm non xã Bãi Thơm	500 m ²	Xã Bãi Thơm	'8140160	2025	170	20	20	0	0	Nâng cấp	
	Khởi công mới					3,204	3,204	3,204	0	0		
1	Nâng cấp, cải tạo Trường THCS Dương Tơ		Ấp Cửa Lấp	'8141546	2025	980	980	980	0	0	Nâng cấp	234/QĐ-UBND 28/4/2025
2	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Dương Tơ 1		Ấp Suối Đá	'8141545	2025	980	980	980	0	0	Nâng cấp	233/QĐ-UBND 25/4/2025

Số TT	Địa phương, tên dự án	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Mã dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025 trước phân cấp	Kế hoạch vốn năm 2025	Chênh lệch		Hình thức thực hiện	Ghi chú
									Tăng	Giảm		
3	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Dương Tơ 2		Ấp Suối Lớn		2025	980	980	980	0	0	Nâng cấp	271/QĐ-UBND 27/5/2025
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Dương Tơ 2 (điểm Cửa Lấp)	200 m ²	Ấp Cửa Lấp		2025	264	264	264	0	0		275/QĐ-UBND 28/5/2025
E	KHÔI CÔNG MỚI CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN BỐ						4,855	4,855		0		





Phụ lục IV
DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐẶC KHU
(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Đặc khu Phú Quốc)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí từ năm 2021 đến năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2025 trước phân cấp		Kế hoạch vốn năm 2025		Chênh lệch		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách nhà nước	Tăng	Giảm	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng							4,414,045	4,414,045	3,848,412	3,848,412	1,494,217	1,494,217	489,538	489,538	227	(1,004,906)	
	UBND đặc khu Phú Quốc							4,414,045	4,414,045	3,848,412	3,848,412	1,494,217	1,494,217	489,538	489,538	227	(1,004,906)	
A	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH							4,040,144	4,040,144	3,804,451	3,804,451	1,195,549	1,195,549	235,693	235,693	-	(959,856)	
1	Ghi thu ghi chi	PQ						4,040,144	4,040,144	3,804,451	3,804,451	1,195,549	1,195,549	235,693	235,693		-959,856	Đã thực hiện 3.395.882 tỷ
B	NGUỒN TĂNG THU TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH					692,870	692,870	373,901	373,901	43,961	43,961	298,668	298,668	253,845	253,845	227	(45,050)	
1	Ngành/lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề					214,663	214,663	87,463	87,463	28,296	28,296	61,135	61,135	49,467	49,467	-	(11,668)	
	Thực hiện đầu tư					214,663	214,663	87,463	87,463	28,296	28,296	61,135	61,135	49,467	49,467	-	(11,668)	
1	Trường mầm non Dương Đông tại khu 67,5 ha	ĐĐ	8051354	2025-2026	6599 11/12/2023	56,000	56,000	21,541	21,541	12,500	12,500	9,041	9,041	9,041	9,041	-	-	
2	Trường Tiểu học và THCS Dương Đông tại khu 67,5 ha	ĐĐ	8054337	2025-2026	6598 11/12/2023	120,000	120,000	36,710	36,710	15,516	15,516	21,194	21,194	11,194	11,194	-	-10,000	
3	XDM Khởi hành chính quản trị, phòng hoạt động Đội, hàng rào, sân nền và nhà xe các điểm trường	PQ	8079480	2024-2026	5568 07/11/2024	3,134	3,134	2,412	2,412	120	120	2,550	2,550	2,292	2,292	-	-258	
4	Trường TH-THCS Bãi Bồn	HN	8078339	2024-2026	5772 28/11/2024	12,864	12,864	9,810	9,810	60	60	10,000	10,000	9,750	9,750	-	-250	
5	Trường TH Cửa Dương 2 - Điểm chính	CD	8079482	2024-2026	5770 28/11/2024	13,900	13,900	10,240	10,240	100	100	11,000	11,000	10,140	10,140	-	-860	
6	Xây dựng tường rào các điểm trường trên địa bàn thành phố Phú Quốc	PQ	8,126,662	2025-2027	1350, 18/4/2025	8,765	8,765	6,750	6,750			7,050	7,050	6,750	6,750	-	-300	
7	XDM các trường học đạt chuẩn quốc gia	PQ	8126661	2025-2027	7490, 31/12/2024	14,900	14,900	15,200	15,200			300	300	300	300	-	-	
II	Ngành/lĩnh vực: Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước					478,207	478,207	286,438	286,438	15,665	15,665	237,533	237,533	204,378	204,378	227	(33,382)	
	Dự án chuyển tiếp					54,500	54,500	43,749	43,749	14,915	14,915	28,834	28,834	28,834	28,834	-	-	
1	Đường nhánh số 2 - Khu vực Bãi Trường	DT	7943309	2021-2025	3508 07/7/2023	40,000	40,000	31,748	31,748	9,925	9,925	21,823	21,823	21,823	21,823	-	-	
2	Cải tạo, sửa chữa dây nhà làm việc, hàng rào, sân nền, thoát nước thuộc trụ sở UBND thành phố Phú Quốc	ĐĐ	8078987	2024-2025	2595 28/06/2024	13,000	13,000	10,560	10,560	3,960	3,960	6,600	6,600	6,600	6,600	-	-	
3	Nâng cấp, cải tạo, phòng tiếp khách và phòng truyền thống văn phòng thành ủy	ĐĐ	8078340	2024-2025	2597 28/06/2024	1,500	1,500	1,441	1,441	1,030	1,030	411	411	411	411	-	-	
	Thực hiện đầu tư					423,707	423,707	175,659	175,659	750	750	206,655	206,655	174,273	174,273	-	(32,382)	
1	Trung tâm hành chính phường An Thới	AT	8079481	2024-2026	5773 28/11/2024	35,000	35,000	247	247	100	100	147	147	147	147	-	-	
2	Nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn thành phố Phú Quốc	PQ	8095846	2025-2026	557 06/03/2025	24,900	24,900	12,200	12,200	200	200	15,000	15,000	12,000	12,000	-	-3,000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí từ năm 2021 đến năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2025 trước phân cấp		Kế hoạch vốn năm 2025		Chênh lệch		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách nhà nước	Tăng	Giảm	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	Đường dẫn vào bãi rác tạm Đồng Cây Sao	CD	8120882	2024-2025	7513: 31/12/2024	1,191	1,191	1,110	1,110	50	50	1,060	1,060	1,060	1,060	-	-	
4	Bờ kè Rạch ông tri (giai đoạn 2)	ĐĐ	8110261	2025-2026	432 25/02/2025	118,446	118,446	33,200	33,200	200	200	33,000	33,000	33,000	33,000	-	-	
5	Đường ven biển Bãi Trường	DT	7818547	2020-2025	1356 18/4/2025	154,923	154,923	90,355	90,355			90,355	90,355	90,355	90,355	-	-	
6	Đường Suối Cái Gành Dầu (Đoạn từ ngã ba Rạch Vem - Gành Dầu)	GD	7941736	2022-2025	1355 18/4/2025	29,641	29,641	8,500	8,500			20,000	20,000	8,500	8,500	-	-11,500	
7	Đường đầu nổi xung quanh Quảng trường và Trung tâm Hành chính	ĐĐ	8095849	2024-2026	1348 18/4/2025	38,394	38,394	16,200	16,200	200	200	30,000	30,000	16,000	16,000	-	-14,000	
8	Đường tam qua Nhà Ga sân bay cũ	ĐĐ	8138136	2025-2026	1352 18/4/2025	572	572	600	600			539	539	539	539	-	0	
9	Đường bê tông qua nhà máy xử lý rác	CD	8138137	2025-2026	1353 18/4/2025	1,191	1,191	1,200	1,200			1,107	1,107	1,107	1,107	-	0	
10	Cải tạo, sửa chữa công viên Bạch Đằng	ĐĐ	8130683	2025-2026	1347 18/4/2025	847	847	847	847			847	847	847	847	-	0	
11	Mua mới tổ máy phát điện cho trạm phát điện xã Thổ Châu	TC	8138135	2025-2027	1349 18/4/2025	6,500	6,500	6,500	6,500			6,100	6,100	6,018	6,018	-	-82	
12	Nâng cấp, cải tạo các phòng ban và chỉnh trang đô thị	ĐĐ	8126663	2024-2026	1351: 18/4/2025	12,102	12,102	4,700	4,700			8,500	8,500	4,700	4,700	-	-3,800	
	Chuẩn bị đầu tư					-	-	67,030	67,030	-	-	2,044	2,044	1,271	1,271	227	(1,000)	
1	XDM Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc Hội cựu chiến binh và UBND các xã		8119212					13,000	13,000			50	50	10	10	-	-40	
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Phòng Tài nguyên và Môi trường		8130684					50	50			50	50	10	10	-	-40	
3	Xây dựng mới hệ thống phòng cháy chữa cháy các chợ thuộc phường An Thới		8126660					2,900	2,900			10	10	10	10	-	0	
4	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân thành phố Phú Quốc (6.0187 ha)		8023845					50,000	50,000			234	234	461	461	227	0	
5	Khu tái định cư Phường An Thới		8148412					300	300			300	300			-	-300	
6	Khu tái định cư Hàm Ninh mở rộng		8148413					10	10			500	500	10	10	-	-490	
7	Khu tái định cư ấp Suối Mây		8150988					300	300			300	300	300	300	-	0	
8	Nâng cấp, cải tạo Khu tái định cư Gành Dầu		8150989					10	10			100	100	10	10	-	-90	
9	Khu tái định cư Hòn Thơm		8150992					200	200			200	200	200	200	-	0	
10	Khu tái định cư phường Dương Đông		8148424					10	10			50	50	10	10	-	-40	
11	Khu tái định cư xã Cửa Cạn		8150991					50	50			50	50	50	50	-	0	
12	Khu tái định cư An Thới (7.075 ha)		8148414					200	200			200	200	200	200	-	0	





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục V

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐẶC KHU

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Đặc khu Phú Quốc)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Luỹ kế vốn đã bố trí từ năm 2021 đến năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2025		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	NGUỒN TĂNG THU TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU					4,500	4,500		-	-	200	200	-	-	200	200	-
	Ngành/lĩnh vực: Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước					4,500	4,500		-	-	200	200	-	-	200	200	
	Chuẩn bị đầu tư					4500	4500		-	-	200	200	-	-	200	200	
1	Cải tạo, nâng cấp phòng chuyên môn và nhà ăn thuộc UBND đặc khu			2026-2027	7007 21/10/2025	4500	4500				200	200			200	200	